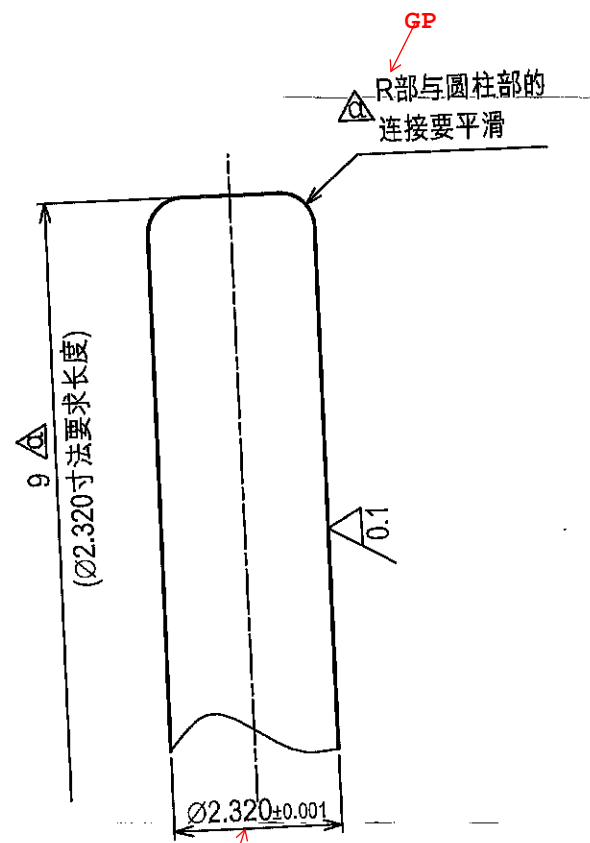
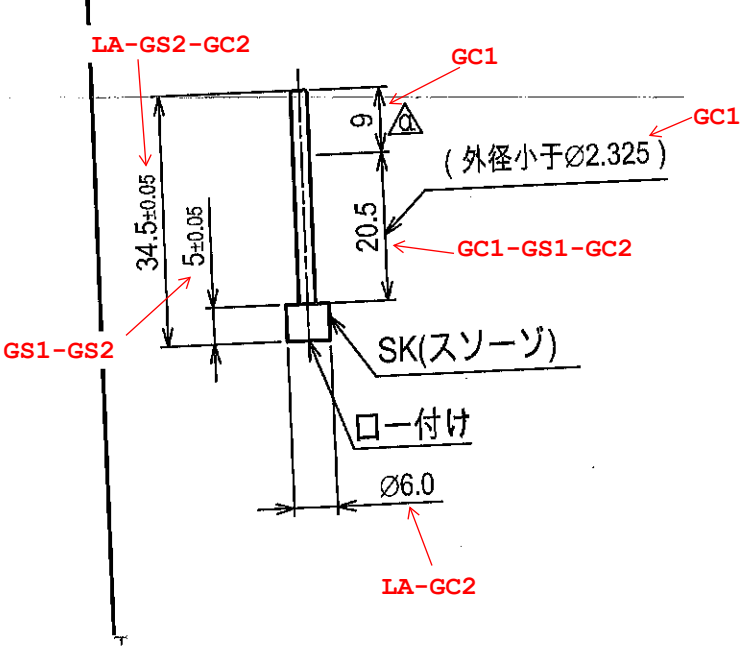


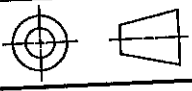
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2016/01/25	追加図面	VDM-XLB-1601-034	李萍	覃一帆	0.5 ≤, ≤ 6	± 0.1
a	2016/03/05	寸法変更	VDM-XLB-1607-031	Li_Ping	Liu_Yong_An	6 <, ≤ 30	± 0.2
						30 <, ≤ 120	± 0.3
						120 <, ≤ 400	± 0.5
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k							
FINISH MARKS							
0.1 / 0.8							



GR(Ø2.35) => GC1 (OK dung sai đầu) -AF

CAM COPY
 BVCT-213-22133013
 10/1/11
 10/1/11
 10/1/11

- 120
- 30
- 120
- 90
- 30
- 60
- 30
- 30
- 90
- 20

DSGND.		CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Li_Ping		Liu_Yong_An	部品図		サイジングピン
QUENCH&TEMPER		SURFACE	PART DRAWING		SIZING PIN
HRC 0 ° ~ 0 °			部品図		整形銷
			部品図		整形銷
MATERIAL		DATE	SCALE		DWG.No.
SK+WC		2016/01/28	1:1		S855965
MABUCHI MOTOR CO.,LTD.					

Size Ø7x18. Ø3.1 + 50.

SNO: **S855965**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P